TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19-4-2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 17-12-2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-3-2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01-4-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Lan A; nơi cư trú: Cụm 9, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Cụm 9, xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-12-2021, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Vũ Thị Lan A trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hưng vào ngày 28-8-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xúc phạm không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình và địa phương hoà giải và bản thân chị đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Phạm Vũ Ngọc M, sinh ngày 14-02-2013 và Phạm Vũ Đăng Q, sinh ngày 07-11-2016. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xin tự thoả thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Văn T vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án và từ chối trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Lan A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thì xác định được: Về điều kiện kết hôn, thời gian và hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Lan A và anh Phạm Văn T như nội dung chị Lan A trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình và địa phương hoà giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Về con chung: Chị Lan A và anh T có 02 con chung là Phạm Vũ Ngọc M, sinh ngày 14-02-2013 và Phạm Vũ Đăng Q, sinh ngày 07-11-2016. Hiện cháu M đang sinh sống cùng với anh T còn cháu Q đang sinh sống cùng với chị Lan A. Về tài sản chung và nợ chung: Không xác định được và các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: Đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Vũ Thị Lan A được ly hôn với anh Phạm Văn T; giao con chung là Vũ Đăng Q, sinh ngày 07-11-2016 cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Phạm Vũ Ngọc M, sinh ngày 14-02-2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Lan A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Vũ Thị Lan A có đơn xin ly hôn với bị đơn là anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lan A và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-8-2012. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lan A xin ly hôn nhưng anh T không có quan điểm gì về việc xin ly hôn của chị Lan A. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tại phiên toà anh T đều vắng mặt không có lý do từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Lan A xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung: Chị Lan A và anh T có 02 con chung là Phạm Vũ Ngọc M, sinh ngày 14-02-2013 và Phạm Vũ Đăng Q, sinh ngày 07-11-2016. Khi ly hôn, chị Lan A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q vào giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không có quan điểm gì về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu M đã trên 7 tuổi hiện đang sinh sống cùng với anh T và có nguyện vọng được ở cùng với anh T còn cháu Q dưới 7 tuổi hiện đang sinh sống cùng với chị Lan A, chị Lan A và anh T đều có việc làm và có thu nhập ổn định có đủ điều kiện đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phạm Vũ Đăng Q cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Vũ Ngọc M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Lan A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lan A và anh T không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lan A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Lan A được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Vũ Đăng Q, sinh ngày 07-11-2016 cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Phạm Vũ Ngọc M, sinh ngày 14-02-2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lan A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Lan A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0002148 ngày 17-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng. Chị Lan A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lan A và anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TH, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh